

Bản án số 160/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26/3/2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Cao Thị Hồng Nga – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lư Khánh Thành,
- Bà Lê Thị Kim Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 553/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Kiên Thị S, sinh năm: 1979

Địa chỉ thường trú: Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: Phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 05/3/2024)

2. Bị đơn: Ông Quách Văn S1, sinh năm: 1962

Địa chỉ thường trú: Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: Phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt theo Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 20/12/2023)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 05/9/2023, tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Kiên Thị S trình bày: Bà và ông Quách Văn S1 tự nguyện chung sống cùng nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, Quyền số 01/2012, đăng ký ngày 13/4/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường HP, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc. Từ khoảng tháng 7 năm 2023 đến nay, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ông S1 đã ngăn cấm bà có mối quan hệ bạn bè với người khác dù người đó là phụ nữ, do đó mà vợ chồng phát sinh tranh cãi, vợ chồng thường xuyên có những lời lẽ thiếu tôn trọng nhau, thậm chí có khi ông S1 còn đánh bà. Mâu thuẫn kéo dài đến nay không thể giải quyết được, nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Quách Văn S1, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Kiên Thị S yêu cầu được ly hôn với ông Quách Văn S1.

- Về con chung: Bà Kiên Thị S trình bày trong thời gian trong sống, bà và ông S1 có 01 (một) con chung tên Quách Tấn T (nam) sinh ngày 10/9/2009. Bà Kiên Thị S đồng ý giao con chung cho ông Quách Văn S1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (ba triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Quách Văn S1 đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia tố tụng nhưng ông S1 không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đến Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông S1. Tại phiên tòa hôm nay, ông S1 có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh nơi cư trú của ông Quách Văn S1, xác minh mối quan hệ hôn nhân của ông S1 và Bà S tại địa phương và ghi nhận nguyện vọng của con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo quy định pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tổng đạt đầy đủ các văn

bản tố tụng cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà S, cho Bà S được ly hôn với ông Quách Văn S1, về con chung: Giao con chung cho ông Quách Văn S1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Kiên Thị S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung Bà Kiên Thị S tự khai không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 43, Quyền số 01/2012, đăng ký ngày 13/4/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường HP, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thì Bà Kiên Thị S và ông Quách Văn S1 có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Kiên Thị S có đơn xin ly hôn với ông Quách Văn S1 hiện đang cư trú tại Phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận A thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo lời trình bày của Bà Kiên Thị S thì nguyên nhân vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn là do trong thời gian chung sống, ông S1 có hành động ngăn cản bà kết giao các mối quan hệ bạn bè với người khác kể cả khi người đó là phụ nữ, do đó mà vợ chồng phát sinh tranh cãi, vợ chồng thường xuyên có những lời lẽ thiếu tôn trọng nhau, thậm chí có khi ông S1 còn đánh bà. Mâu thuẫn của ông bà đến nay không thể giải quyết được, nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với nhau nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Quách Văn S1.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Quách Văn S1 đến Tòa án để ghi nhận ý kiến của ông S1 và tham gia tố tụng nhưng ông S1 không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đến Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông S1. Ông S1 có nộp Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 20/12/2023 cho Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng theo lời trình bày của Bà Kiên Thị S thì giữa bà và ông S1 không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông S1, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Quách Văn S1 đến Tòa án làm việc trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tổ chức các buổi hòa giải để vợ chồng Bà S và ông S1 có điều kiện được hòa giải, hàn gắn tình cảm gia đình nhưng ông S1 không đến, điều này thể hiện thái độ thờ ơ, không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân với Bà Kiên Thị S, không có thái độ mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Như vậy, đủ căn cứ cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa Bà Kiên Thị S và ông Quách Văn S1 đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho Bà Kiên Thị S được ly hôn với ông Quách Văn S1 là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Trong quá trình chung sống Bà Kiên Thị S và ông Quách Văn S1 có 01 (một) con chung tên Quách Tấn T (nam) sinh ngày 10/9/2009 (theo Giấy khai sinh số 75/2012, quyển số 02/2011 đăng ký ngày 26/4/2012 tại Ủy ban nhân dân huyện CN, tỉnh Trà Vinh), hiện nay trẻ T đang sống chung với ông S1 và Bà S. Bà Kiên Thị S đồng ý giao con chung cho ông Quách Văn S1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Kiên Thị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành.

Quá trình giải quyết vụ án ông S1 không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Bà S đồng ý giao con chung cho ông S1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại đơn trình bày nguyện vọng, trẻ T thể hiện nguyện vọng của trẻ là mong muốn được sống cùng ông S1. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung là trẻ Quách Tấn T cho ông Quách Văn S1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của trẻ.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kiên Thị S khai không có nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do Bà Kiên Thị S nộp; Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do Bà Kiên Thị S nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 68, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí, lệ phí và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Kiên Thị S được ly hôn với ông Quách Văn S1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43, Quyền số 01/2012, đăng ký ngày 13/4/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường HP, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, Bà Kiên Thị S và ông Quách Văn S1 có 01 (một) con chung tên Quách Tấn T (nam) sinh ngày 10/9/2009, giao con chung cho ông Quách Văn S1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Kiên Thị S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 4/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Kiên Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Ông Quách Văn S1 có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho Bà S khi đến thăm nom, chăm sóc con chung.

Trường hợp Bà Kiên Thị S lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông S1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Kiên Thị S.

Trường hợp thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ, hai bên phải thông báo cho nhau biết. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kiên Thị S khai không có nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do Bà Kiên Thị S nộp, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng

án phí mà Bà Kiên Thị S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0038366 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do Bà Kiên Thị S nộp.

5 Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân Phường HP, Quận E, TP.HCM;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Cao Thị Hồng Nga